| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **02**/2026/KDTM-PT
Ngày: 20-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quản

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Châu Thạch, bà Lê Thị Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Trúc Giang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** ông Đỗ Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*, do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn D1) Đại Tây D; Địa chỉ: Số D, thôn D, xã H, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Số D, thôn D, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng).

*Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Giám đốc.

***- Bị đơn:*** Bà Hà Vĩnh Y, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn E, xã B, tỉnh Lâm Đồng (địa chỉ cũ: Thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng). Nơi thường trú hiện nay: Số C L, Phường B B, tỉnh Lâm Đồng.

***- Người kháng cáo:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 (TNHH D1) Đại Tây D.

Tại phiên tòa có mặt: Ông T, bà Y.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:***

Công ty TNHH D1 được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên, có ngành nghề kinh doanh buôn bán thực phẩm, chi tiết: Buôn bán cà phê. Đến nay công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Phú Yên do bà Hà Vĩnh Y làm chủ trước đây có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (nay là thôn B, xã H, tỉnh Lâm Đồng). Thời điểm 2013, hai bên có mua bán cà phê nhân, theo đó Công ty D1 bán cà phê cho bên mua bà Y.

Năm 2013, Công ty D1 bán cà phê nhân cho bà Y, có xuất hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho bên mua theo quy định của pháp luật. Về số lượng cà phê bán, đơn giá đã được ghi cụ thể trong hóa đơn GTGT đã xuất cho bên mua, không ký hợp đồng kinh tế. Về các hóa đơn này bên bán đã giao cho bên mua liên 2 (liên đỏ), đã báo cáo thuế bán ra theo đúng quy định của pháp luật.

Về số lượng, đơn giá, thanh toán, thỏa thuận trao đổi qua điện thoại, không ký hợp đồng kinh tế. Đến nay bên mua còn nợ bên bán cụ thể như sau:

+ Ngày 22 tháng 5 năm 2013, hai bên thỏa thuận thống nhất (bán hàng qua điện thoại): Công ty D1 bán cà phê nhân xô (tiêu chuẩn chung) cho bà Y số lượng 4.000kg (04 tấn), giá thị trường thỏa thuận tại thời điểm bán ngày 22/5/2013 là 44.000 đồng/kg (giá công bố chung của thị trường tại thời điểm mua bán ngày 22/5/2013 và hai bên thống nhất chốt giá mua bán). Bên mua phải thanh toán giá trị tiền hàng đã mua cho bên bán là: 4.000 kg × 44.000đồng/kg = 176.000.000đồng, tiền mua hàng bên mua đã thanh toán xong không còn nợ. Tại thời điểm đó là thuế suất thuế GTGT mặt hàng cà phê nhân xô theo quy định là 5%, vì vậy bên bán tính thuế GTGT: (giá trị tiền hàng × 5%), cụ thể: 176.000.000đồng ×5%= 8.800.000đồng. Hóa đơn GTGT bên bán giao ngay cho bên mua ngay sau khi giao hàng, tiền hàng thanh toán ngay, còn tiền thuế GTGT thanh toán khoảng sau 01 tháng.

+ Ngày 16 tháng 7 năm 2013, hai bên tiếp tục thỏa thuận thống nhất (bán hàng qua điện thoại): Bên bán bán cà phê nhân xô (tiêu chuẩn chung) cho bên mua số lượng 3.000kg (03 tấn), giá trị trường thỏa thuận tại thời điểm bán ngày 16/7/2013 là 41.200đồng/kg (giá công bố chung của thị trường tại thời điểm mua bán ngày 16/7/2013 và hai bên thống nhất chốt giá mua bán). Bên mua phải thanh toán giá trị tiền hàng đã mua cho bên bán là: 3.000kg × 41.200đồng/kg = 123.600.000đồng, đã thanh toán xong không còn nợ. Thuế suất thuế GTGT mặt hàng cà phê nhân xô theo quy định của pháp luật là 5%, bên bán tính thuế GTGT: (giá trị tiền hàng × 5%), cụ thể: 123.600.000 đồng × 5%= 6.180.000 đồng. Hóa đơn GTGT bên bán giao ngay cho bên mua ngay sau khi giao hàng, tiền hàng thanh toán ngay, còn tiền thuế GTGT thanh toán khoảng sau 01 tháng.

+ Ngày 30 tháng 7 năm 2013, hai bên tiếp tục thỏa thuận thống nhất (bán hàng qua điện thoại): Bên bán bán cà phê nhân xô (tiêu chuẩn chung) cho bên mua số lượng 6.000 kg (06 tấn), giá thị trường thỏa thuận tại thời điểm bán ngày 30/7/2013 là 41.200 đồng/kg (giá công bố chung của thị trường tại thời điểm mua bán ngày 30/7/2013 và hai bên thống nhất chốt giá mua bán). Bên mua phải thanh toán giá trị tiền hàng đã mua cho bên bán là: 6.000 kg×41.200đồng/kg=247.200.000đồng, đã thanh toán xong không còn nợ. Tại thời điểm đó là thuế suất thuế GTGT mặt hàng cà phê nhân xô theo quy định của pháp luật là 5% bên bán tính thuế GTGT: (giá trị tiền hàng × 5%), cụ thể: 247.200.000đồng×5% =12.360.000đồng. Hóa đơn GTGT bên bán giao ngay cho bên mua ngay khi giao hàng, tiền hàng thanh toán ngay, còn tiền thuế GTGT thanh toán khoảng sau 01 tháng.

Tuy nhiên sau đó bên mua (bà Y) không trả tiền thuế GTGT còn thiếu cho bên bán (công ty D1) mặc dù đã đòi nợ nhiều lần, bên mua biết nhưng không trả nợ. Sau đó bên mua (bà Y) không còn kinh doanh nữa, đi đâu làm gì không rõ, không liên lạc được.

Công ty D1 yêu cầu bà Y phải trả số tiền thuế GTGT còn thiếu tổng số tiền là 27.340.000 đồng. Công ty yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất: doanh nghiệp chậm nộp thuế cho nhà nước theo quy định của pháp luật là 1,5%/tháng (0,05%/ngày). Số tiền lãi phát sinh yêu cầu bà Y phải trả như sau:

+ Số tiền 8.800.000đồng: Lãi phát sinh từ ngày 22/5/2013 đến 11/7/2025 là 12 năm 01 tháng 19 ngày × 1.5%/tháng × 8.800.000đồng = 19.219.000đồng.

+ Số tiền 6.180.000đồng: Lãi phát sinh từ ngày 16/7/2013 đến 11/7/2025 là 11 năm 11 tháng 24 ngày × 1.5%/tháng × 6.180.000đồng = 13.256.000đồng.

+ Số tiền 12.360.000đồng: Lãi phát sinh từ ngày 16/7/2013 đến ngày 11/7/2025 là 11 năm 11 tháng 12 ngày × 1.5%/tháng × 12.360.000đồng= 26.512.000đồng.

Tổng lãi phát sinh là 58.987.000đồng. Cộng cả gốc và lãi Công ty D1 yêu cầu bà Y trả là 86.327.000đồng.

Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn trình bày:***

Bà Y là chủ D2, có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cũ, hoạt động đến năm 2017 thì ngừng. Bà Y tạm trú tại thôn E, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Năm 2013 bà có mua bán cà phê nhân xô với Công ty D1. Về số lượng, giá cả, số tiền thanh toán như công ty D1 ghi trong hóa đơn GTGT là đúng.Giá cà phê là do hai bên thỏa thuận mua theo giá thị trường tại thời điểm xuất hóa đơn và chốt giá qua điện thoại, nhân với số lượng kg cà phê nhân xô mua, thành tiền và thanh toán dứt điểm cho bên bán Công ty Đ Dương xong. Số tiền hàng 03 lần bên mua đã thanh toán xong và hai bên không còn nợ nần gì, giá mua đã bao gồm thuế chứ không phải như công ty TNHH Đ thuế sau khi trả xong tiền. Sau

khi bên mua thanh toán và nhận hàng, bên bán nhận đủ tiền, tất toán xong, bên bán cho xe hàng của bên mua chở hàng ra khỏi kho. Hai bên không còn nợ nần, không còn liên quan gì đến nhau. Từ năm 2013 đến nay bà Y không biết, không nghe nói là còn nợ tiền thuế GTGT của công ty D1.

Vì vậy về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền thuế GTGT của số hàng cà phê nhân xô đã mua của nguyên đơn là 27.340.000đồng, lãi phát sinh là 58.987.000đồng, tổng cộng 86.327.000đồng, bị đơn không đồng ý. Bị đơn yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11 tháng 7 năm 2025 nhưng không thành.

*Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2025/KDTM-ST, ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã quyết định:*

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 281, 428, 431 của Bộ luật dân sự 2005; các Điều 275, 430, 433 của Bộ luật dân sự 2015; Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008, Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005. Khoản 8 Điều 3 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 đối với bà Hà Vĩnh Y về việc *"Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại mua bán hàng hóa"*. Không buộc bà Hà Vĩnh Y phải thanh toán cho Công ty TNHH D1 số tiền 86.327.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2025, nguyên đơn Công ty TNHH D1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm

2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng và nguyên đơn chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1:

Nguyên đơn, bị đơn đều trình bày thống nhất về đơn giá, số lượng cà phê mua bán thể hiện trong 03 hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn xuất trình. Nguyên đơn cho rằng bị đơn mới trả tiền hàng, chưa trả 5% tiền thuế giá trị gia tăng của 3 hóa đơn là 27.340.000đ, vì hai bên có thỏa thuận tiền thuế giá trị gia tăng sẽ thanh toán sau khoảng 1 tháng, còn tiền hàng (chưa thuế) sẽ thanh toán tại thời điểm giao hàng. Bị đơn cho rằng đã trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn, bao gồm cả tiền hàng và tiền thuế giá trị gia tăng.

Xét thấy: Thực hiện hợp đồng mua bán, bên bán đã giao hàng, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, bên mua đã trả tiền và vận chuyển hàng hóa mua bán khỏi kho của bên bán. Như vậy, có căn cứ xác định các bên đã thực hiện xong hợp đồng. Bên bán (nguyên đơn) cho rằng bên mua còn nợ tiền thuế giá trị gia tăng nhưng bên mua không thừa nhận và bên bán không có tài liệu nào chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ để chứng minh, nên không cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn D1, giữ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 281, 428, 431 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 275, 430, 433 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn D1 về việc buộc bà Hà Vĩnh Y phải thanh toán cho Công ty TNHH D1 số tiền 86.327.000 đồng.

2. Về án phí:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 phải chịu 4.316.350 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.043.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007138 ngày 24/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Bảo Lâm (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4-Lâm Đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 còn phải nộp số tiền 2.273.350 đồng.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003375 ngày 22/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/01/2026).

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 4-Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quản**